

HOSE

24/04/2014

VNINDEX 570.46 1.10 0.19%

 KLGD 56,695,829 CP
 GTGD 1,188.28 Tỷ
 GTR NDTNN 17.00 Tỷ

 CP Tăng giá 112 CP
 CP Giảm giá 103 CP
 CP Đứng giá 89 CP


HNX

24/4/2014

HNXINDEX 80.00 0.10 0.12%

 KLGD 36,377,425 CP
 GTGD 387.91 Tỷ
 GTR NDTNN 17.94 Tỷ

 CP Tăng giá 98 CP
 CP Giảm giá 107 CP
 CP Đứng giá 174 CP


VN30 & HNX30 INDEX

 VN30 629.16 -0.62 -0.10%
 HNX30 160.98 0.04 0.03%

Tâm điểm

- ▶ **Thị trường có dấu hiệu tạo đáy rõ ràng hơn**
- ▶ **Thanh khoản thị trường tiếp tục sụt giảm xuống mức thấp kỷ lục**
 Tổng giá trị giao dịch đạt mức khoảng 1,500 tỷ đồng.
- ▶ **CPI 4 tháng đầu năm cả nước tăng thấp nhất 13 năm**
 Tính từ đầu năm đến nay CPI đã tăng 0.88%
 Sài Gòn Giải Phóng
- ▶ **Ủy ban Giám sát Tài chính: Nợ xấu ngân hàng xấp xỉ 9%**
 Ngoài nhận định này, UBGSTC còn cho rằng kinh tế đã thoát đáy từ quý III năm ngoái
 Vnexpress
- ▶ **Quý 1/2014, Việt Nam xuất siêu sang Mỹ đạt 4.5 tỷ USD**
 Theo Trung tâm Thương mại và Công nghiệp (Bộ Công Thương)
 VTV
- ▶ **SJ1: Lãi quý 1 tăng hơn 3 lần so với cùng kỳ**
 Quý 1/2014, SJ1 ghi nhận mức lợi nhuận đạt 1.5 tỷ đồng
 Người Đồng Hành
- ▶ **PAN: Quý 1 lãi lớn nhờ cổ tức và thanh lý cổ phiếu AGF**
 Quý 1/2014, PAN lãi ròng 9.3 tỷ đồng, tăng gấp 14 lần so với cùng kỳ năm trước
 Công Lý

Thị trường / Ngành

Thị trường / Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,004,245	13.6	3.2	23.0%	11.6%
HNX	128,310	17.2	1.6	8.7%	3.9%
Toàn bộ thị trường	1,132,555	14.3	3.0	22.2%	11.0%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,334	6.4	1.0	15.6%	10.4%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	19,904	6.8	1.5	23.4%	17.4%
Thép và sản phẩm thép	35,378	15.7	1.9	19.2%	8.1%
Khai khoáng	12,248	53.2	5.0	2.1%	1.5%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	19,924	18.7	1.4	17.4%	9.3%
Xây dựng	31,153	66.1	1.1	1.3%	1.5%
Máy công nghiệp	8,327	7.2	1.3	19.3%	13.0%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,697	10.7	1.4	16.9%	12.7%
Lốp xe	6,753	8.2	2.2	29.0%	12.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	14,284	13.4	1.3	12.3%	6.0%
Thực phẩm	207,764	23.3	5.5	24.6%	18.4%
Dược phẩm	16,145	12.9	3.5	26.7%	17.4%
Phần mềm	18,342	11.3	2.5	23.7%	10.0%
Sản xuất & phân phối điện	22,049	7.1	1.2	18.8%	9.3%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	179,473	13.8	5.1	39.8%	25.1%
Bảo hiểm nhân thọ	25,790	22.7	2.1	9.4%	2.3%
Môi giới chứng khoán	24,899	18.6	1.4	8.2%	5.5%
Ngân hàng	252,523	11.2	1.3	11.6%	0.9%
Bất động sản	140,449	12.7	2.7	30.6%	6.6%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	35,409	9.2	2.0	21.7%	8.4%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

VietinBankSc

 306 Ba Triệu
 Hai Ba Trưng
 Hanoi
 Vietnam
 Tel: (844) 3974 7952
 Fax: (844) 3974 1760
 www.vietinbanksc.com.vn

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

CPI 4 tháng đầu năm cả nước tăng thấp nhất 13 năm

Ủy ban Giám sát Tài chính: Nợ xấu ngân hàng xấp xỉ 9%

Quý 1/2014, Việt Nam xuất siêu sang Mỹ đạt 4.5 tỷ USD

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

BVH: Lãi hợp nhất quý 1 đạt 344 tỷ đồng

SJ1: Lãi quý 1 tăng hơn 3 lần so với cùng kỳ

PAN: Quý 1 lãi lớn nhờ cổ tức và thanh lý cổ phiếu AGF

► Tin kinh tế

Theo công số sáng nay, ngày 24/04/2014 của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4 của cả nước tăng 0.08% so với tháng trước và tăng 4.45% so với cùng tháng năm trước. Như vậy, tính từ đầu năm đến nay CPI đã tăng 0.88%, là mức tăng CPI thấp nhất sau 4 tháng trong vòng 13 năm trở lại đây. Cụ thể, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống – nhóm có quyền số lớn nhất có mức tăng 0.15% so với tháng trước. Tăng đáng kể nhất là nhóm giao thông với mức 0.33%, chủ yếu do tác động từ việc tăng giá các mặt hàng xăng, dầu các loại.

Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia hôm nay công bố báo cáo tổng quan thị trường tài chính 2013, dự báo 2014. Theo Phó chủ tịch Ủy ban Trương Văn Phước, tổng tài sản ngân hàng năm 2013 tăng 15% và chất lượng tài sản được cải thiện. Số liệu tính toán của Ủy ban cho thấy, tỷ lệ nợ xấu xấp xỉ 9% là hoàn toàn có cơ sở. Theo đánh giá của Ngân hàng Nhà nước, tỷ lệ nợ xấu của toàn hệ thống giảm mạnh từ mức 4.73% cuối tháng 10/2013 xuống còn 3.63% vào cuối năm 2013. Nếu tính toán một cách thận trọng, gộp cả các khoản nợ dưới chuẩn được cơ cấu lại theo Quyết định 780, Ngân hàng Nhà nước ước tính tỷ lệ nợ xấu cũng chỉ khoảng 9%.

Trung tâm Thương mại và Công nghiệp (Bộ Công Thương) dẫn số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan cho biết, tổng kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam Mỹ trong quý I/2014 đạt 7.76 tỷ USD, tăng 24.9% so với cùng kỳ. Xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang Mỹ trong quý I/2014 trị giá 6.15 tỷ USD, tăng 25.6% so với cùng kỳ năm 2013, trong khi nhập khẩu từ thị trường này đạt 1.61 tỷ USD, tăng 22.4%. Như vậy, trong quý I/2014 Việt Nam đã xuất siêu sang Mỹ khoảng 4.5 tỷ USD. Mỹ là đối tác thương mại lớn thứ hai của Việt Nam, chỉ đứng sau Trung Quốc. Đến năm 2013, xuất siêu của Việt Nam sang thị trường này đạt con số kỷ lục 18.6 tỷ USD.

► Tin doanh nghiệp

Tại ĐHCĐ thường niên năm 2014 sáng 24/04, đại diện Tập đoàn Bảo Việt (HOSE: BVH) cho biết, trong quý 1/2014, tổng doanh thu hợp nhất của Tập đoàn ước đạt 4,538 tỷ đồng, tương đương 25% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế hợp nhất ước đạt 344 tỷ đồng, đạt 29% kế hoạch năm (1,183 tỷ đồng). Về kết quả công ty mẹ, Tập đoàn Bảo Việt đạt lãi sau thuế 277 tỷ đồng trong quý 1/2014 trên kế hoạch 1,183 tỷ đồng. Đại diện Tập đoàn cho biết hầu hết các chỉ tiêu trong quý 1/2014 của tập đoàn đều đạt trên 25% kế hoạch. Về kế hoạch kinh doanh năm 2014, BVH sẽ trình cổ đông kế hoạch năm 2014 với tổng doanh thu hợp nhất 18,329 tỷ đồng, tăng 7% so với năm 2013. Lợi nhuận trước và sau thuế dự kiến lần lượt 1,500 tỷ và 1,183 tỷ đồng.

CTCP Thủy sản số 1 (HNX: SJ1) vừa công bố kết quả kinh doanh quý 1/2014, trong đó cho thấy lợi nhuận của công ty tăng gấp hơn 3 lần so với cùng kỳ năm trước nhờ sản lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ cùng tăng. Theo bản báo cáo tài chính, doanh thu của SJ1 đạt 80.2 tỷ đồng, tương đương với mức của cùng kỳ năm trước, trong khi lợi nhuận đạt 1.5 tỷ đồng, tăng mạnh 239%. Theo giải trình của SJ1, kết quả trên có được là nhờ sản lượng sản xuất của công ty tăng 64%, còn sản lượng tiêu thụ tăng 37% so với cùng kỳ năm trước. Cũng theo bản báo cáo, lãi cơ bản trên cổ phiếu của công ty tăng lên 396 đồng từ mức 117 đồng của cùng kỳ năm trước.

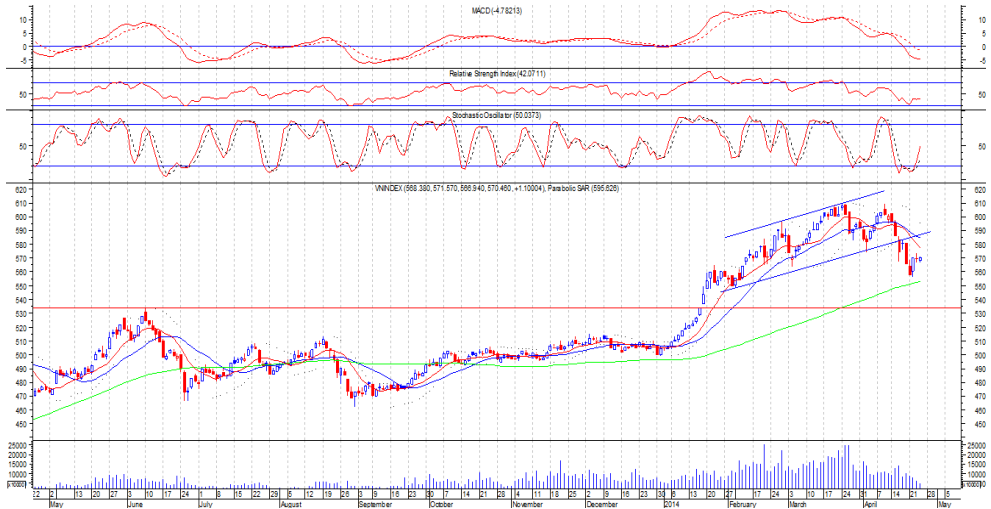
CTCP Xuyên Thái Bình (HOSE: PAN) công bố BCTC quý 1 với DTT chỉ đạt 5.3 tỷ đồng, giảm phân nửa so với quý 1/2013 do các hoạt động dịch vụ đã chuyển giao cho công ty con. Theo đó chi phí cũng được cắt giảm phân nửa và lãi gộp thì không thay đổi nhiều so với cùng kỳ năm trước khi đạt 538 tỷ đồng. Tuy nhiên việc doanh thu tài chính đột ngột tăng gấp 3 lần đạt 15.3 tỷ đồng đã giúp cho lãi ròng PAN đột biến lên 9.3 tỷ đồng. Theo PAN giải trình, lợi nhuận tăng vọt chủ yếu do thu nhập từ cổ tức và lãi thanh lý cổ phiếu AGF từ hoạt động đầu tư.

HOSE 24/04/2014 VNINDEX 570.46 1.10 0.19% 56,695,829 CP 1,188.28 bil VND

Thị trường có dấu hiệu tạo đáy rõ ràng hơn

VN-Index tăng 1.10 điểm (+0.19%), đóng cửa tại mức 570.46 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân ngắn, cây nến gần giống với nến Doji, 2 cây nến Doji xuất hiện liên tiếp.

- MACD tiếp tục đi xuống nhưng đã giảm đang có dấu hiệu chững lại.
- Stochastic Oscillator sau khi cho tín hiệu mua tiếp tục gia tăng mạnh.
- RSI đi ngang ở mức 42.
- 2 đường MA10 và MA20 vẫn duy trì trên đường giá.
- Các chỉ báo kỹ thuật đang phần nào cho thấy TT có xu hướng tạo đáy thành công.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.4 (-3.4%)	7,551,560
ITA	0 (0.0%)	2,961,150
AVF	-0.4 (-6.0%)	1,653,690
SSI	0.1 (0.4%)	1,572,780
HQC	0.1 (1.4%)	1,554,190

HOSE Top 5 theo % tăng

VNA	0.2 (6.9%)	50,700
ASIAGF	0.6 (6.7%)	50
KSH	0.5 (6.7%)	1,610
NBB	1.5 (6.7%)	308,180
MPC	2.2 (6.6%)	2,950

HOSE Top 5 theo % giảm

HPG	-8 (-14.4%)	356,790
TTP	-2.1 (-7.0%)	20
VPK	-2.1 (-6.7%)	26,580
TLG	-3 (-6.7%)	490
VNH	-0.3 (-6.3%)	459,160

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

HAG	6,7 tỷ	252,520
VCB	6,5 tỷ	225,590
HSG	4,3 tỷ	86,790
SJS	3,9 tỷ	156,620
MSN	2,7 tỷ	28,170

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

BVH	-6,6 tỷ	176,760
VIC	-3,9 tỷ	59,100
NBB	-2,6 tỷ	110,000
DPM	-2,3 tỷ	65,260
NTL	-1,7 tỷ	107,910

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	787,350	17.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Giao dịch vẫn khá trầm lắng, sự giằng co gia tăng, trong khi lực cầu vẫn khá dè dặt mua đuổi giá. VN-Index giữ được sắc xanh nhẹ lúc đóng cửa.
- ▶ KLGD tiếp tục sụt giảm mạnh và đạt 48 triệu đơn vị, đây là mức thấp kỷ lục của năm 2014. Điều này cho thấy sự thận trọng và dè dặt của giới đầu tư.
- ▶ Khối ngoại mua ròng nhẹ 17 tỷ trong phiên hôm nay. Nhịp mua ròng tiếp tục tạo niềm tin khá tốt giúp nâng đỡ TT trong giai đoạn này
- ▶ Vùng hỗ trợ 550 - 560 tỏ rõ sự nâng đỡ khá tốt cho thị trường. VN-Index đang có những dấu hiệu tạo đáy rõ ràng hơn.
- ▶ NĐT mạo hiểm có thể xem xét mua tích lũy nhóm CP cơ bản tốt với kỳ vọng chu kỳ tăng trung hạn. Tránh mua đuổi giá khi thanh khoản chưa thực sự bứt phá.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	92.5	175,287.50	14.1	5.2	40.6%	25.7%
VNM	833.4	139.0	115,848.20	17.7	6.6	39.6%	30.7%
MSN	734.9	95.5	70,184.03	148.0	4.8	3.2%	1.1%
VCB	2,317.4	29.0	67,205.10	15.4	1.6	10.4%	1.0%
VIC	908.8	67.0	60,887.09	9.1	4.3	54.2%	10.3%
CTG	3,723.4	15.9	59,202.13	8.8	1.1	13.2%	1.1%
BID	2,811.2	15.9	44,698.12	10.2	1.4	13.8%	0.8%
BVH	680.5	37.3	25,381.58	22.7	2.1	9.4%	2.3%
STB	1,142.5	20.1	22,964.48	10.2	1.5	14.5%	1.4%
PVD	275.3	82.0	22,571.17	11.0	2.3	22.4%	9.3%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

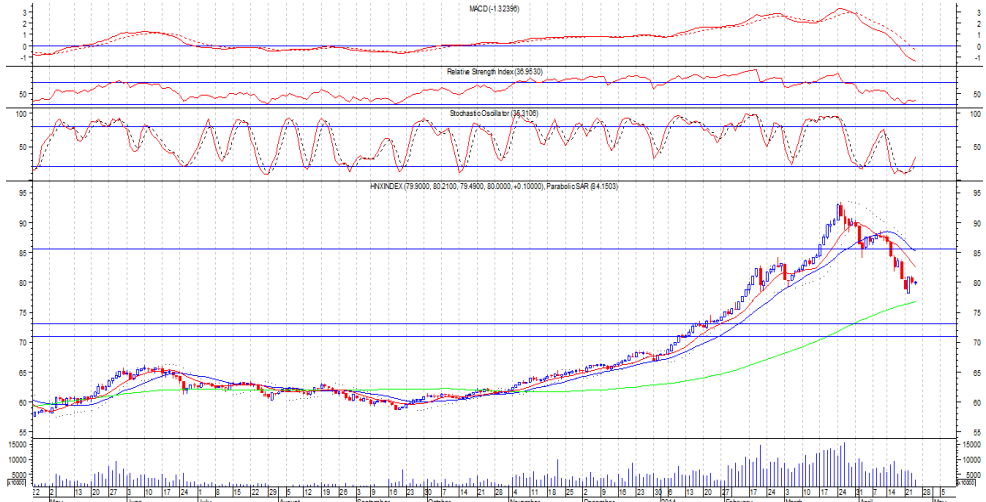
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	14.3	3,326.18	14.0	1.2	NA	TH.DOI
FPT	275.1	65.5	18,020.32	11.2	2.5	NA	TH.DOI
CII	112.9	26.0	2,934.40	20.2	1.8	NA	TH.DOI
BMP	45.5	77.0	3,501.84	9.4	2.3	NA	TH.DOI
VSC	28.6	63.0	1,804.70	7.4	1.9	NA	TH.DOI
FDC	27.6	21.0	579.81	2.0	0.8	NA	TH.DOI

HNX 24/04/2014 HNX-Index 80.00 0.10 0.12% 36,377,425 CP 387.91 bil. VND

Thị trường có dấu hiệu tạo đáy rõ ràng hơn

Chỉ số HNX-Index tăng 0.10 điểm (+0.12%), đóng cửa tại mốc 80.0 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh, thân ngắn, cây nến gần giống với nến Doji thể hiện sự cân bằng trở lại.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng và đi ra khỏi vùng quá bán.
- MACD tiếp tục lao dốc, nhưng đã giảm đang có phần chững lại.
- RSI (14) đi ngang ở mức 36.
- 2 đường MA10 và MA20 vẫn đang duy trì trên đường giá.
- Các chỉ báo kỹ thuật đang phần nào cho thấy TT có xu hướng tạo đáy thành công.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	-0.1 (-1.9%)	6,174,900
SCR	-0.1 (-1.1%)	3,683,230
SHB	-0.1 (-1.0%)	3,149,480
PVS	0.8 (3.2%)	2,793,210
KLS	0 (0.0%)	2,490,410

HNX Top 5 theo % tăng

SGH	48.5 (100.0%)	-
VNT	2.9 (9.8%)	100
TET	1.9 (9.7%)	3,800
PSC	1 (9.7%)	600
SCL	1.8 (9.6%)	86,300

HNX Top 5 theo % giảm

TXM	-0.9 (-10.0%)	1,000
VCV	-0.3 (-10.0%)	31,800
BHV	-0.8 (-9.9%)	200
ECI	-2.1 (-9.9%)	100
CTX	-0.8 (-9.5%)	2,400

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	8,8 tỷ	342,200
DBC	3,2 tỷ	142,000
PHH	1,8 tỷ	254,000
PVX	0,9 tỷ	172,685
SHB	0,5 tỷ	55,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

SJE	-0,1 tỷ	6,500
KHL	0,0 tỷ	13,300
PVL	0,0 tỷ	8,000
MMC	0,0 tỷ	10,400
0	- tỷ	-

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1,106,885	17.94

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Giao dịch vẫn khá trầm lắng, sự giằng co gia tăng, trong khi lực cầu vẫn khá dè dặt mua đuổi giá. HNX-Index giữ được sắc xanh nhẹ lúc đóng cửa.
- ▶ KLGD tiếp tục sụt giảm mạnh và đạt 33 triệu đơn vị, đây là mức thấp kỷ lục của năm 2014. Điều này cho thấy sự thận trọng và dè dặt của giới đầu tư.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 18 tỷ trong phiên hôm nay. Nhịp mua ròng tiếp tục tạo niềm tin khá tốt giúp nâng đỡ TT trong giai đoạn này
- ▶ Vùng hỗ trợ 74 - 76 điểm tỏ rõ sự nâng đỡ khá tốt cho thị trường. HNX-Index đang có những dấu hiệu tạo đáy rõ ràng hơn.
- ▶ NĐT mạo hiểm có thể xem xét mua tích lũy nhóm CP cơ bản tốt với kỳ vọng chu kỳ tăng trung hạn. Tránh mua đuổi giá khi thanh khoản chưa thực sự bứt phá.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	921.5	16.2	14,928.55	18.6	1.2	6.6%	0.5%
PVS	446.7	26.0	11,614.21	6.8	1.4	21.6%	7.0%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	265.3	6.5	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	9.7	8,595.01	10.2	0.8	8.6%	0.7%
VCG	441.7	14.4	6,360.63	12.9	1.1	9.1%	1.9%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	28.8	2.3	7.6%	3.4%
PVI	225.4	19.5	4,395.58	13.2	0.7	5.4%	2.9%
LAS	77.8	40.3	3,136.63	6.9	2.1	33.5%	17.5%
NTP	43.3	72.0	3,120.34	10.8	2.6	24.8%	16.7%
VNR	100.8	27.7	2,792.93	8.8	1.1	12.7%	6.9%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	28.9	1,098.20	6.2	1.2	NA	TH.DOI
AAA	19.8	19.4	384.12	7.0	0.7	NA	TH.DOI
VND	96.9	16.3	1,580.06	11.1	1.3	NA	TH.DOI
NTP	43.3	72.0	3,120.34	10.8	2.6	NA	TH.DOI
PVC	50.0	15.9	795.00	10.2	1.0	NA	TH.DOI
PVS	446.7	26.0	11,614.21	6.8	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	70,184.03	15.35%	95.5	147.99	4.84	186,106	187,039	395,626
VIC	HOSE	908.8	60,887.09	14.46%	67.0	9.05	4.30	769,501	650,350	468,228
HPG	HOSE	419.1	19,905.00	11.74%	47.5	9.82	2.26	701,992	894,834	819,464
PVD	HOSE	275.3	22,571.17	8.68%	82.0	11.01	2.30	404,108	486,577	485,941
DPM	HOSE	379.9	13,411.68	8.01%	35.3	6.24	1.43	2,861,775	2,136,618	1,306,432
HAG	HOSE	718.2	19,031.10	7.98%	26.5	20.52	1.48	3,203,262	3,407,789	4,733,882
VCB	HOSE	2,317.4	67,205.10	6.11%	29.0	15.42	1.59	790,611	862,418	1,013,681
STB	HOSE	1,142.5	22,964.48	4.13%	20.1	10.21	1.47	476,921	637,712	1,037,077
BVH	HOSE	680.5	25,381.58	3.08%	37.3	22.67	2.13	379,895	466,532	568,698
ITA	HOSE	718.1	6,103.64	2.71%	8.5	61.08	0.74	8,110,619	10,721,040	10,961,641
HSG	HOSE	96.3	4,767.50	2.68%	49.5	8.63	2.17	194,033	219,919	309,160
GMD	HOSE	114.4	3,341.11	2.26%	29.2	16.67	0.72	208,013	244,982	443,180
PPC	HOSE	318.2	6,681.25	2.03%	21.0	4.12	1.28	662,637	773,984	1,146,614
VSH	HOSE	206.2	3,382.36	1.74%	16.4	16.76	1.29	414,910	767,160	1,055,787
CSM	HOSE	67.3	2,678.22	1.64%	39.8	7.16	2.04	466,594	522,550	760,890
KBC	HOSE	289.8	3,274.29	1.48%	11.3	44.36	0.81	1,082,949	1,207,894	1,511,148
DRC	HOSE	83.1	3,646.94	1.33%	43.9	9.33	2.44	312,185	402,966	453,513
PVT	HOSE	232.6	3,326.18	1.18%	14.3	13.99	1.19	920,512	1,142,804	2,448,095
DIG	HOSE	143.0	2,416.63	1.01%	16.9	44.39	1.02	464,758	673,917	935,154
OGC	HOSE	300.0	3,300.00	0.91%	11.0	59.59	1.03	2,728,288	3,332,650	3,493,380
PET	HOSE	69.8	1,250.17	0.87%	17.9	7.71	0.99	601,095	633,530	936,007

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	11,614.21	5.37%	26.0	6.80	1.36	2,619,151	3,058,302	3,044,438
VIC	HOSE	908.8	60,887.09	8.00%	67.0	9.05	4.30	769,501	650,350	468,228
VCB	HOSE	2,317.4	67,205.10	7.00%	29.0	15.42	1.59	790,611	862,418	1,013,681
BVH	HOSE	680.5	25,381.58	6.50%	37.3	22.67	2.13	379,895	466,532	568,698
DPM	HOSE	379.9	13,411.68	5.79%	35.3	6.24	1.43	2,861,775	2,136,618	1,306,432
STB	HOSE	1,142.5	22,964.48	4.26%	20.1	10.21	1.47	476,921	637,712	1,037,077
PVD	HOSE	275.3	22,571.17	3.22%	82.0	11.01	2.30	404,108	486,577	485,941
ITA	HOSE	718.1	6,103.64	3.73%	8.5	61.08	0.74	8,110,619	10,721,040	10,961,641
SHB	HNX	886.1	8,595.01	2.86%	9.7	10.22	0.84	8,262,110	8,399,102	10,400,373
PPC	HOSE	318.2	6,681.25	1.58%	21.0	4.12	1.28	662,637	773,984	1,146,614
OGC	HOSE	300.0	3,300.00	2.33%	11.0	59.59	1.03	2,728,288	3,332,650	3,493,380
GMD	HOSE	114.4	3,341.11	1.62%	29.2	16.67	0.72	208,013	244,982	443,180
MSN	HOSE	734.9	70,184.03	8.00%	95.5	147.99	4.84	186,106	187,039	395,626
HAG	HOSE	718.2	19,031.10	2.83%	26.5	20.52	1.48	3,203,262	3,407,789	4,733,882
DRC	HOSE	83.1	3,646.94	1.28%	43.9	9.33	2.44	312,185	402,966	453,513
VCG	HNX	441.7	6,360.63	3.58%	14.4	12.91	1.13	1,963,654	2,301,127	4,020,295
PVT	HOSE	232.6	3,326.18	2.05%	14.3	13.99	1.19	920,512	1,142,804	2,448,095

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	908.8	60,887.09	0.00%	67.0	9.05	4.30	769,501	650,350	468,228
MSN	HOSE	734.9	70,184.03	0.00%	95.5	147.99	4.84	186,106	187,039	395,626
DPM	HOSE	379.9	13,411.68	0.00%	35.3	6.24	1.43	2,861,775	2,136,618	1,306,432
HAG	HOSE	718.2	19,031.10	0.00%	26.5	20.52	1.48	3,203,262	3,407,789	4,733,882
VCB	HOSE	2,317.4	67,205.10	0.00%	29.0	15.42	1.59	790,611	862,418	1,013,681
STB	HOSE	1,142.5	22,964.48	0.00%	20.1	10.21	1.47	476,921	637,712	1,037,077
BVH	HOSE	680.5	25,381.58	0.00%	37.3	22.67	2.13	379,895	466,532	568,698
CTG	HOSE	3,723.4	59,202.13	0.00%	15.9	8.80	1.10	696,933	870,396	1,201,589
GAS	HOSE	1,895.0	175,287.50	0.00%	92.5	14.11	5.20	450,677	421,201	395,667

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Royal Bank of Scotland
MSCI Frontier Markets Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

19/09/2011
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

9/142
22.25 mil.

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	70,184.03	0.81%	95.5	147.99	4.84	186,106	187,039	395,626
VIC	HOSE	908.8	60,887.09	0.55%	67.0	9.05	4.30	769,501	650,350	468,228
DPM	HOSE	379.9	13,411.68	0.26%	35.3	6.24	1.43	2,861,775	2,136,618	1,306,432
VCB	HOSE	2,317.4	67,205.10	0.20%	29.0	15.42	1.59	790,611	862,418	1,013,681
STB	HOSE	1,142.5	22,964.48	0.14%	20.1	10.21	1.47	476,921	637,712	1,037,077
BVH	HOSE	680.5	25,381.58	0.10%	37.3	22.67	2.13	379,895	466,532	568,698

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI Frontier 100 Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

12/09/2012
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

6/102
519.45 mil.

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI VN Investable Market Indx

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

01/12/2010

SLCKVN
TGTTSQL

4,752.96 mil.

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,334	6.4	1.0	15.6%	10.4%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	19,904	6.8	1.5	23.4%	17.4%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,835	30.0	0.8	1.9%	1.4%
Sản xuất giấy	794	8.3	0.8	10.8%	5.6%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	35,378	15.7	1.9	19.2%	8.1%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,897	4.8	0.9	18.0%	3.8%
Khai khoáng	12,248	53.2	5.0	2.1%	1.5%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	19,924	18.7	1.4	17.4%	9.3%
Xây dựng	31,153	66.1	1.1	1.3%	1.5%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,356	8.5	1.2	16.3%	8.7%
Công nghiệp phức hợp	378	4.1	0.8	20.5%	14.7%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,644	10.6	1.0	7.9%	3.9%
Thiết bị điện	1,661	15.3	0.7	-0.7%	-1.3%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	41	20.8	0.5	2.7%	1.8%
Máy công nghiệp	8,327	7.2	1.3	19.3%	13.0%
Vận tải					
Vận tải thủy	7,702	2.6	0.9	4.7%	1.3%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,697	10.7	1.4	16.9%	12.7%
Dịch vụ vận tải	5,125	8.2	1.4	17.2%	10.4%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,035	15.2	1.4	8.4%	1.9%
Đào tạo & Việc làm	228	18.6	0.6	4.5%	1.8%
Nhà cung cấp thiết bị	185	8.0	0.8	11.2%	4.8%
Chất thải & Môi trường	147	2.2	0.7	34.6%	16.7%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,123	24.1	1.7	12.6%	7.0%
Lốp xe	6,753	8.2	2.2	29.0%	12.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,415	7.3	1.1	15.4%	9.2%
Vang & Rượu mạnh	248	10.9	1.8	18.3%	13.4%
Đồ uống & giải khát	260	7.4	1.4	14.2%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	14,284	13.4	1.3	12.3%	6.0%
Thực phẩm	207,764	23.3	5.5	24.6%	18.4%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	53	42.2	0.7	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,204	8.0	1.0	13.3%	6.4%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	149	3.8	1.3	30.7%	21.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,002	8.1	1.5	17.8%	7.0%
Giày dép	10	1.4	0.6	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,076	9.4	1.7	16.6%	9.1%
Thuốc lá					
Thuốc lá	687	4.4	1.0	-5.9%	3.0%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	886	20.4	0.9	5.1%	2.8%
Dụng cụ y tế	135	3.2	1.7	31.8%	13.0%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	160	10.3	1.0	10.0%	6.6%
Dược phẩm	16,145	12.9	3.5	26.7%	17.4%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	418	54.8	1.3	2.4%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	696	12.8	1.1	12.0%	8.0%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,289	9.0	1.5	15.4%	3.2%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,065	8.6	1.0	12.6%	8.3%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	165	7.2	3.1	52.7%	27.1%
Khách sạn	5,773	29.8	2.6	7.2%	3.5%
Dịch vụ giải trí	2,120	21.6	1.5	13.4%	11.0%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,212	28.5	2.0	15.6%	13.9%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	51	11.9	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	600	19.4	0.8	3.7%	1.3%
Internet	274	57.8	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm	18,342	11.3	2.5	23.7%	10.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	409	14.0	0.7	4.3%	1.6%
Thiết bị văn phòng	262	5.3	1.0	20.1%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,104	13.0	0.7	5.3%	4.0%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	22,049	7.1	1.2	18.8%	9.3%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	179,473	13.8	5.1	39.8%	25.1%
Nước	1,213	6.6	1.0	16.8%	11.2%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,213	10.1	0.8	8.1%	3.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,585	11.6	0.7	6.3%	3.2%
Tái bảo hiểm	2,632	8.8	1.1	12.7%	6.9%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	25,790	22.7	2.1	9.4%	2.3%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,300	59.6	1.0	1.7%	0.5%
Môi giới chứng khoán	24,899	18.6	1.4	8.2%	5.5%
Ngân hàng					
Ngân hàng	252,523	11.2	1.3	11.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	140,449	12.7	2.7	30.6%	6.6%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	4	162.4	0.4	0.2%	0.1%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	35,409	9.2	2.0	21.7%	8.4%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.